(Không trich dẫn)

Những điều kiện an ninh của Đông Á

- Sự trỗi dậy của Trung Quốc và An ninh Hàng hải tại Biển Đông

Bài viết chủ yếu tập trung vào quan điểm của Nhật Bản về điều kiện an ninh tại Đông Á (Đông Bắc Á và Đông Nam Á), tình huống chiến lược tại Biển Đông và đánh giá sức mạnh quânn sự của Trung Quốc trong bối cảnh của khu vực.

1. Sự ổn định mong manh và tình thế lưỡng nan về an ninh bất đối xứng

Về bản chất, điều kiện an ninh tại Đông Á cơ bản ổn định, cho dù có một số sự kiện rắc rối xảy ra giữa Trung Quốc và các nước láng giềng, bao gồm cả Nhật Bản, thì những nước liên quan sẽ cố gắng thỏa hiệp càng sớm càng tốt thông qua ngoại giao thứ yếu (low-key) (giảm thiểu hết mức ảnh hưởng của báo chí và dư luận công chúng đối với chính sách ngoại giao), trong khi tình huống vẫn nằm trong tầm kiểm soát của các chính phủ. Nhưng điều này không có nghĩa là Đông Á sẽ có sự ổn định tuyệt đối. Căng thẳng tại Đông Á sẽ dao động trong phạm vi giới hạn nào đó. Nói cách khác, an ninh Đông Á về cơ bản là ổn định, nhưng đó là sự ổn định mong manh.

Có một vài lý do mang tính bản địa trong khu vực cho điều này, tại sao điều kiện anh ninh hiện tại Đông Á về cơ bản lại mang tính ổn định, nhưng lại không thực sự chắc chắn. Đầu tiên là sự thúc đẩy hợp tác mang tính khiên cưỡng giữa Nhật Bản, Mỹ và Trung Quốc, các quốc gia có sự ảnh hưởng lớn. Các quốc gia này đều biết rằng không một quốc gia đơn lẻ nào trên thế giới có thể tự mình vượt qua được cuộc khủng hoảng kinh tế trên phạm vi toàn cầu đang xảy ra, vì vậy họ không thể vượt ra cuộc khủng hoảng nếu không đặt ra ưu tiên cao nhất trong việc thúc đẩy hợp tác tiền tệ với các quốc gia khác nhằm cứu vớt con tàu kinh tế Châu Âu đang chìm một cách nhanh chóng. Cả ba quốc gia này đều ở chung trên một con thuyền trước một cơn bão lớn.

Tuy nhiên, đây là tình huống "đồng sàng, dị mộng" (Same bed, different dreams). Trung Quốc có lý do khác để tư duy theo cách này. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc cho rằng Mỹ có sức mạnh quân sự ưu việt tại Đông Á, là điều mà Trung Quốc không thể thách thức tại thời điểm này. Tuy nhiên, tính đến sự cân bằng quyền lực mang tính cục bộ tại khu vực Đông Á thì Trung Quốc lại có khả năng sử dụng sức mạnh hải quân cho những lợi ích chiến lược và chính trị của riêng mình ở ngoại vi phía đông của nước này, vì các quốc gia Đông Á và Đài Loan rất dễ bị tổn thương đối với sức mạnh hải quân đang gia tăng của Trung Quốc hơn là đối với Mỹ.

Nhưng khả năng bùng nổ về một cuộc chiến tranh giữa Trung Quốc và các quốc gia láng giềng phía đông lại mang tính rủi ro rất lớn đối với Trung Quốc vì cuộc chiến như vậy sẽ lôi kéo sự can thiệp quân sự của Mỹ, là một kịch bản mang tính phá hủy đối với những chiến lược của Trung Quốc. Sau khủng hoảng kinh tế năm 2008, sức mạnh tương đối của Mỹ đang bị suy giảm trong bối cảnh toàn cầu, nhưng lãnh đạo hiện tại của Trung Quốc lại không thích mạo hiểm.

Vì vậy Trung Quốc sẽ không dám thực hiện bất kỳ một hành động quân sự lớn nào nhằm chống lại các quốc gia láng giềng của mình, thậm chí những va chạm thường xuyên về vấn đề lãnh thổ với láng giềng như Việt Nam, Philippin và Nhật Bản, chống lại Trung Quốc, nhưng cho đến hiện tại Trung Quốc chỉ biểu dương sức mạnh quân sự của mình.

Trái với hầu hết điểm bất lợi mang tính tuyệt đối của Trung Quốc về phạm vi quân sự, Trung Quốc lại có ưu điểm mang tính tương đối về phạm vi kinh tế (như đất hiếm và nguồn nước). Khả năng về việc Trung Quốc mở rộng lợi thế phi quân sự chỉ khi xung đột quân sự ở mức độ đủ thấp đối với các quốc gia có liên quan để gia tăng sự phụ thuộc về kinh tế đối với Trung Quốc.

Chỉ khi căng thẳng ở mức độ thấp, cho dù khá rụt rè, họ sẽ theo đuổi một chính sách, chủ yếu xuất phát từ những lý do trong nước mà đặt ra ưu tiên cao hơn đối với những lợi ích kinh tế cụ thể/đã được xác định trong tương lai gần bằng sự hy sinh về rủi ro chiến lược chưa chắc chắn/còn mơ hồ trong tương lai xa. Tuy nhiên, một cách mỉa mai, nếu tình huống an ninh/chiến lược tại Đông Á hoàn toàn

toàn không mang tính đối đầu thì sức đàm phán của Trung Quốc lại không được cao.

Nếu và chỉ nếu có mức độ nào đó về sự căng thẳng trong khu vực, thì nền kinh tế và vũ khí phi quân sự khác của Trung Quốc mới phát huy hiệu quả. Đối với Trung Quốc, căng thẳng ở mức độ nào đó lại hữu ích.

Sức mạnh của Trung Quốc hiện tại mang tính điều kiện, vì nước này này cần giữ một nhịp độ thấp để đạt được vị thế chiến lược có lợi hơn, bởi vì ở nhịp độ quá vội vàng sẽ dẫn đến rủi ro đối với Trung Quốc vì điều đó sẽ gây ra các phản ứng dữ dội hay tạo ra liên minh chống Trung Quốc từ các quốc gia Đông Á. Có thể họ sẽ miễn cưỡng quyết định hy sinh lợi ích kinh tế của chính mình khi họ nhìn thấy một con rồng hung dữ to lớn với bộ nanh vuốt đang lao về phía mình. Nếu nhịp độ đủ thấp, Trung Quốc có thể sử dụng thủ đoạn "chia để trị" đối với các quốc gia Đông Á (và với Mỹ) thông qua đàm phán ngoại giao.

Sử dụng lý thuyết về Quan hệ quốc tế (IR), chúng ta có thể nói rằng tình huống chiến lược hiện tại tại Đông Á mang đặc điểm "tình thế an ninh lưỡng nan". Đặc điểm phân biệt về tình huống an ninh tại Đông Á về "tình thế an ninh lưỡng nan" rõ ràng rất có lợi cho Trung Quốc nếu như căng thẳng đủ thấp tại khu vực.

Trung Quốc có vị thế có lợi tương tối, vì vậy chúng ta có thế nói rằng tình huống an ninh tại Đông Á mang đặc điểm điểm về "tình thế an ninh lưỡng nan bất đối xứng". Tuy nhiên, Trung Quốc có thế có được lợi ích lớn hơn bằng việc gia tăng căng thẳng một cách mong manh, quỹ đạo tối ưu về hành vi chiến lược của Trung Quốc có xu hướng là phải có sự dao động về căng thẳng trong một phạm vi giới hạn.

Trung Quốc, quốc gia có thể đạt được những lợi ích chiến lược từ "phát triển hòa bình" bằng trò chơi này, có xu hướng phớt lờ sự thất vọng tích tụ bấy lâu nay của các quốc gia Đông Á (và chúng ta cũng đã phớt lờ sự thất vọng từ phía Trung Quốc). Nếu như vậy, nhận thức sai lầm của Trung Quốc về khía cạnh tâm lý của hoàn cảnh chiến lược của Trung Quốc sẽ tạo ra nhân tố chia rẽ lớn tạo ra một vòng tròn luẩn quẩn của sự mất lòng tin lẫn nhau không thể thay đổi giữa Trung Quốc và

các quốc gia Đông Á, Đài Loan và Mỹ. Hai quan điểm trái ngược nổi bật về tình huống chiến lược hiện tại – sự lạc quan của Trung Quốc và sự bi quan của Nhật Bản, các quốc gia Đông Á và Mỹ - không phải là sự sắp đặt tốt để củng cố sự ổn định chiến lược mong manh đối với khu vực Đông Á.

Bức tranh chuyển giao quyền lực/thay đổi quyền lực từ Mỹ sang Trung Quốc trong khu vực cũng tạo ra khó khăn đối với các nhà lãnh đạo tại châu Á trong việc đánh giá sự cân bằng quyền lực của khu vực. Do kết quả này, căng thẳng rất dễ gia tăng trong quá trình sôi động của thời kỳ chuyển giao quyền lực bởi những nhận thức khác biệt về sự thay đổi cân bằng quyền lực đang diễn ra giữa các quốc gia liên quan. Mối nguy hiểm của sự gia tăng bắt nguồn từ sự đánh giá rất khác nhau về tình huống chiến lược năng động tại Đông Á có thể đươc biểu thị như vấn đề khó khăn của "tình thế an ninh lưỡng nan bất đối xứng do có sự dịch chuyển quyền lực" .

2. Tại sao lại là an ninh hàng hải tại Biển Đông?

Trong phần trước của bài tham luận, tôi đã đưa ra phác thảo sơ qua về tình huống an ninh tại Đông Á. Bây giờ tôi sẽ quay trở lại vấn đề an ninh nóng bỏng nhất tại châu Á vào thời điểm hiện tại, đó là tranh chấp Biển Đông. Chúng ta đều biết sự thật rằng năng lực quân sự của Trung Quốc đang phát triển, nhưng vẫn tồn tại chút mơ hồ là tại sao tranh chấp đối với Biển Đông lại trở nên quá nổi bật vào năm 2010 và 2011.

Tranh chấp này có một quá trình mang tính lịch sử. Vào những năm 1980, Lưu Hoa Thanh [Liu Huaqing] (Đô đốc PLAN – Hải quân Quân đội giải phóng Nhân dân Trung Quốc 1982-1987), Phó chủ tịch Quân Ủy Trung ương (CMC) năm 1989-1997, đã nhấn mạnh tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông vì Biển Đông là chương trình nghị sự tốt nhất để thuyết phục các nhà lãnh đạo chính trị của Đảng cộng sản Trung Quốc (CPC), đáng chú ý là sự tán thành của Đặng Tiểu Bình đối với kế hoạch tham vọng của Lưu về việc xây dựng lực lượng hải quân nước này. Chính Lưu là người đưa ra khái niệm về chuỗi đảo thứ nhất và thứ hai vào năm 1982, một khái niệm đã trở thành biểu tượng cho kế hoạc phát triển sức mạnh của PLAN trong thế kỷ 21.

Đầu tiên, kế hoạch gia tăng sức mạnh của Trung Quốc đối với Biển Đông sẽ đặt ra một mối đe dọa mới từ phía nam Đài Loan, đây là điều mà Đài Loan không thể phớt lờ. Trong những năm 1980, vấn đề Đài Loan là một trong những chương trình nghị sự quan trọng nhất của Đặng, vì vậy ông ta đã rất hoan nghênh việc đóng góp cho hải quân Trung Quốc nhằm tìm kiếm giải pháp cho vấn đề này. Khi Đài Loan chiếm ưu thế về khả năng kiểm soát vùng biển xung quanh Đài Loan, nước này có thể tập trung những nguồn lực quân sự của mình trong việc bảo vệ bờ biển phía tây, mặt trận chiến lược của Đài Loan, mà không cần phải quá tập trung vào mối đen dọa từ phía nam. Nhưng với đà phát triển năng lực hải quân của Trung Quốc tại Biển Đông, Đài Loan đã phải phân tán sức mạnh phòng thủ của mình. Việc kích thích tình huống an ninh này đối với Đài Loan đã được đẩy mạnh bằng việc gia tăng sự độc lập về kinh tế của Đài Loan đối với đại lục từ những năm 90 cho đến ngày nay.

Thứ hai, Trung Quốc có thể kỳ vọng rằng sự gia tăng hiện diện hải quân Trung Quốc tại Biển Đông sẽ không ngay lập tức làm tăng thêm sự ngờ vực của Nhật Bản đối với Trung Quốc bởi vì Biển Đông nằm rất xa Nhật Bản trong phạm vi nhận thức [trên bản đồ] của Nhật Bản trong những năm 80.

Đối với Trung Quốc trong những năm 80 (và cho đến tận năm 2009), Nhật Bản, quốc gia đứng thứ hai thế giới về GDP, là đối thủ cạnh tranh lớn nhất tại khu vực Đông Á. Việc gia tăng sự hiện diện hải quân không có tính toán tại biển Nhật Bản và biển Hoa Đông chắc chắn sẽ tự động kích thích Nhật Bản xây dựng quân đội.

Trung Quốc có thể kỳ vọng rằng nếu Trung Quốc duy trì việc gia tăng sự hiện diện tại Biển Đông, cùng với việc can dự vào các cơ chế an ninh đa phương như ARF, thì sự phát triển năng lực sức mạnh của PLAN sẽ chỉ chiếm một mức độ quan trọng khiêm tốn trong chương trình nghị sự của các nhà hoạch định chiến lược Nhật Bản ở một thời điểm nhất định. Do đó Trung Quốc có thể đe dọa ở mức độ vừa phải đối với những tuyến đường hàng hải (SLOC) của Nhật Bản tại Biển Đông mà không kích thích sự thù địch lớn nào từ Nhật Bản. Tất nhiên, Nhật Bản của năm 2012 đã hoàn toàn bao gồm cả Biển Đông trong tính toán phòng thủ của mình. Nhưng nhịp độ gia tăng cam kết của mình đối với Biển Đông lai không đủ

nhanh. Sự hiện diện hải quân của Nhật Bản tại Biển Đông không đáng chú ý đối với các nước ASEAN.

Tuy nhiên, Mỹ đã có những tính toán chiến lược khác tại Biển Đông. Mỹ cũng như Trung Quốc đều có những lý do coi Biển Đông có tầm quan trọng rất lớn. Dù có hay không thì điều này cũng đúng đối với Nhật Bản, Mỹ thật sự không quan tâm đến vấn đề Senkaku (Điếu Ngư) giữa Nhật Bản và Trung Quốc, mà họ chỉ quan tâm đến một vấn đề rất quan trọng vào lúc này: Biển Đông, bởi vì Biển Đông có ảnh hưởng trực tiếp và rất lớn đối với vấn đề tự do hàng hải. Tự do hàng hải rất quan trọng đối với những hoạt động kinh tế và hoạt động quân sự của Mỹ, và nó trở thành biểu tượng chính trị trong cuộc ganh đua giữa Mỹ và Trung Quốc tại châu Á trong năm 2011.

Đáng chú ý, Biển Timor, biển nối Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, lại là một trong những con đường biển rất quan trọng đối với những tàu ngầm hạt nhân của Mỹ. Hiện tại, PLA rất thận trọng đối với dự án phát triển sức mạnh hải quân đối với biển Timor. Mối quan hệ chính trị và kinh tế giữa Trung Quốc và Đông Timor đang trở nên gần gũi hơn, nhưng một quan chức PLA đến thăm Đông Timor vào tháng 3 năm 2010 lại gián tiếp từ chối việc gửi tàu hải quân Trung Quốc tới Đông Timor nhằm củng cố giao lưu quân sự giữa 2 nước. Mỹ đã thực hiện tìm kiếm và luyện tập cứu hộ chung với Đông Timor vào tháng 10 năm 2010.

3. Một Trung Quốc đe dọa và quyết đoán.

Như đã giải thích ở trên, an ninh hảng hải tại Đông Á về cơ bản là ổn định với nhận thức rằng hầu như không có một cuộc xung đột vũ trang lớn nào xảy ra giữa các cường quốc lớn. Đôi lúc có một vài vụ va chạm gây quan ngại giữa Trung Quốc và Việt Nam, giữa Philippin và Trung Quốc, Nhật Bản và Trung Quốc trong năm 2010 và 2011, nhưng may mắn là những va chạm này vẫn giữ được ở mức khu vực và được giới hạn. Tuy nhiên, an ninh hàng hải trong khu vực chỉ mang tính tạm thời. Sự quan ngại về sự phát triển quân sự của Trung Quốc đang nổi lên trong khu vực.

Hầu hết các quốc gia Đông Á đều cho rằng Trung Quốc đang ngày trở nên quyết đoán và đe dọa đối với vấn đề Biển Đông. Đối với họ (chúng ta) "phát triển hòa bình" của Trung Quốc không nhất thiết mang hàm ý "phát triển hài hòa" của Trung Quốc. Đối với Trung Quốc, khái niệm "phát triển hòa bình" phù hợp với chính sách ngoại giao cưỡng bức của nước này. Ví dụ Trung Quốc biểu dương sự mở rộng sức mạnh hải quân nhanh chóng của mình đối với Nhật Bản bằng sự di chuyển của lực lượng chuyên trách hải quân làm nhiệm vụ đi qua eo Miyako ít nhất là 1 hoặc 2 lần trong một năm.

Trung Quốc đã đạt được thành công bước đầu trong việc thử nghiệm tàu sân bay của mình (tàu sân bay Varyag của của Nga) tại biển Hoàng Hải vào tháng 8 năm 2011, tàu sân bay là biểu tượng cho sức mạnh quân sự đang phát triển của nước này.

Dựa trên những phát triển trong việc hiện đại hóa lực lượng hải quân như đã đề cập ở trên, các nhà lập kế hoạc quân sự của PLA đã đặt ra 5 nhiệm vụ chính mà PLAN phải đạt được: đạt được năng lực kiểm soát biển, năng lực tấn công trên biển, mở rộng sự hiện diện hải quân, phòng thủ hiệu quả đối với tuyến đướng biển xa, và duy trì năng lực hạt nhân biển (tấn công và phản công) (Zhang, 2010, tr.129-133).

Sự phát triển khác của PLA, chẳng hạn như IOC (Năng lực hoạt động ban đầu) của ASBM (DF-21D), triển khai các đơn vị chiến tranh mạng, và triển khai máy bay tàng hình J-20 "tự sản xuất" là những mặt phát triển nổi bật.

Hiện tại Trung Quốc đang cố gắng xây dựng lực lượng không quân chiến lược. Lực lượng này không phải là một khái niệm mới, nhưng sự kết hợp với sức mạnh hải quân và tên lửa sẽ tạo ra thêm nhiều khó khăn đối với các quốc gia Đông Á trong việc triển khai các nguồn lực của mình cho cuộc phản công hiệu quả, từ đó số lượng kịch bản có thể trong cuộc xung đột quân sự mà họ phải chuẩn bị ứng phó.

Các nhà lập kế hoạch quân sự Trung Quốc công khai cho rằng Trung Quốc có thể nâng cao khả năng ngăn chặn của mình bằng việc xây dựng một lực lượng

không quân chiến lược, có khả năng đưa ra cảnh báo chiến lược sớm, tạo ra một cuộc tấn công từ xa và hỗ trợ hoạt động được thống nhất (Ding và Wang, 2010).

Việc tăng cường sức mạnh không quân của Trung Quốc nghĩa là trực tiếp gia tăng tính đe dọa của Trung Quốc. Không sớm thì muộn, lực lượng không quân chiến lược cũng như tên lửa tầm xa của Trung Quốc sẽ có khả năng tấn công Okinawa, Yokosuka và Tokyo.

Tuy nhiên hầu hết các nhà phân tích quốc phòng Nhật Bản lại dường như lạc quan hơn về sự cân bằng quân sự giữa Nhật Bản và Trung Quốc. Họ cho rằng phần mềm quân sự của Trung Quốc như C4ISR và công nghệ chủ chốt khác (công nghệ tín hiệu, sản xuất động cơ tân tiến của máy bay, vân vân) sẽ vẫn là điểm yếu lớn nhất mặc dù ngân sách quân sự Trung Quốc sẽ tăng gấp đối trong những năm tới.

Các nhà phân tích cũng chỉ ra rằng sẽ phải mất nhiều năm nữa binh sĩ PLA (Quân đội Giải phóng Nhân dân Trung Quốc) mới có kỹ năng sử dụng những loại vũ khí tân tiến. Họ cho rằng những khuyết điểm này sẽ cản trở nghiêm trọng đến sự phát triển năng lực chiến đầu của PLA trong một tương lai dự đoán trước. Họ thường nói rằng Giáo sư Asano phải tự tin hơn về công nghệ quốc phòng của Nhật Bản. Tôi ước rằng mình có thể đồng ý với họ!

Vấn đề đối với các nhà phân tích là họ có xu hướng chỉ nghĩ trong khuôn khổ quân sự, họ lờ đi các nhân tố phí quân sự khác – đó là các nhân tố tâm lý và chính trị. Trung Quốc có truyền thống kết hợp những nhân tố này cùng với nhau trong mọi loại hình xung đột vũ trang. Họ cũng lờ đi năng lực của các nhà khoa học Trung Quốc.

Tuy nhiên, trong chừng mực phân tích về PLAN chủ yếu giới hạn hoàn toàn trong phạm vi quân sự, đánh giá của các nhà phân tích quân sự Trung Quốc và Nhật Bản về năng lực tác chiến của PLA có xu hướng quy tụ về một kết luận giống nhau. Một số nhà phân tích quân sự chính trong PLA thận trọng trong việc đánh giá sự hiện đại hóa của PLA hơn đối với các nhà phân tích lạc quan khác. Có vẻ như họ gặp khó khăn trong việc thể hiện tầm nhìn rõ ràng về cuộc chiến hải quân

trong tương lai mà PLAN phải chuẩn bị đối phó. Một số nhà phân tích khác hoài nghi về vai trò của tàu sân bay đối với những hoạt động hải quân trong tương lai.

Họ cũng cho rằng hoạt động hải quân trong tương lai cần nhiều sự hỗ trợ và có tính hệ thống bởi đội ngũ nhân viên có trình độ, nhưng khả năng quản lý và hợp tác của PLAN có vẻ tương đối yếu kém khi tầm nhìn tương lai lại không hoàn toàn được thể chế hóa trong PLA. Chẳng có bằng chứng đáng tin cậy nào cả, nhưng có vẻ là sự phân phối nguồn lực trong PLA là một vấn đề lớn đối với Quân ủy Trung ương (CMC), và CMC vào thời điểm này dường như không có quyết tâm mạnh mẽ để ưu tiên sự phân bổ nguồn lực giữa những tổ chức và ban ngành canh tranh nhau trong PLA và PLAN.

Mặt khác, các nhà lập kế hoạch quân sự PLA sẽ không chú ý hay đúng hơn là một cách miễn cưỡng rằng hầu hết mọi thành phần của lực lượng hải quân nên được hiện đại hóa: tàu mặt nước, tàu ngầm, các lực lượng đổ bộ, tên lửa, rada, hệ thống thông tin, công nghệ dẫn đường cho cuộc tấn công chính xác… (Zhang, 210, tr.140-151).

Ngoài ra, một nhà lập kế hoạch quân sự PLA còn thẳng thừng cho rằng PLA [đáng nhẽ] đã phải đổi mới một cách triệt để hệ thống chỉ huy nhằm tăng cường năng lực hoạt động chung được thống nhất (Chen, 2011). Một vài đổi mới mang tính tổ chức tại Bộ Tổng tham mưu (GSD) năm 2011 phản ánh sự không hài lòng của các lãnh đạo PLA về mức độ khiêm nhường về năng lực kiểm soát và chỉ huy của PLA.

Nhiều khả năng là có một nhóm quan chức thận trọng của PLA sẽ không hoan nghênh những cuộc xung đột vũ trang lớn với một số quốc gia thù địch tiềm tàng tại Đông Á cho đến khi họ tin chắc rằng PLA chắc chắn đạt được mức độ rất cao về "*Tixi Tonghe*" (hệ thống hợp nhất: năng lực tổ chức hoạt động chung thống nhất linh hoạt) trong việc tiến hành hoạt động chung thống nhất (Yitihua Lianhe Zouzhan). Thật sai lầm khi cho rằng các thành viên PLA luôn có tâm lý hiếu chiến.

Nhưng chúng ta không hoàn toàn chắc chắn rằng liệu có hay không các quan chức chủ chốt nhất trong PLA có thể giữ được sự thận trọng khi mà họ bị đặt dưới

áp lức lớn về một cuộc khủng hoảng trong tương lai. Bị đối mặt với rủi ro cao để đánh mất mọi thứ, con người ta có xu hướng chọn lựa rất liều lĩnh.

Nguồn tham khảo

Cheng Pinghua, 2011. "Dazao Neng Lianshanhe de 'Lingdao Zhongxi." [Construction of Command System which can Coordinate]. Jiefang Junbao.[PLA Daily], 22 tháng 12.

Ding, Budong & Wãnginghong 2010, Zhanlue Kongjun Jianshe Lun.[Construction of Strategic Air Force]. Beijing: Lantian Chubanshe.

Zhang Zindong. 2010, Zouzhan Lilinag Jianshe Gailun. [Outline for Combat Forecs development]. Beijing: Junshi Kexue Chubanshe.

GS. Ryo ASANO, Đại học Doshisha

Trần Quang (dịch)

Thái Giang (hiệu đính)

Bản gốc tiếng Anh *Security Conditions of East Asia – Rising China and Maritime Security in the South China Sea*